TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 9 - 2024.
V/v ly hôn giữa chị T và anh H.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Chủng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.
2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024. Về tranh chấp xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Xóm A Phú Thọ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên toà hôm nay chị Trịnh Thị T vắng mặt nhưng chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn khởi kiện lập ngày 21/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trịnh Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào năm 1990 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Mặc

dù đã được gia đình hai bên động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Đến tháng 11/2012 thì vợ chồng chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 23/10/1991 và cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 08/12/2008. Hiện cháu Y đã trưởng thành tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết còn cháu T1 chưa trưởng thành đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi cháu T1 và không yêu cầu anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí chị đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt. Lời khai của anh Nguyễn Văn H tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh kết hôn với chị Trịnh Thị T vào năm 1990 kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh sống ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh thì anh không nhất trí ly hôn với chị Trịnh Thị T.

Về con chung: Giữa anh và chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 23/10/1991 và cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 08/12/2008. Hiện cháu Y đã trưởng thành tự lập được nên anh không yêu cầu giải quyết còn cháu T1 chưa trưởng thành đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn anh để chị T trực tiếp nuôi cháu T1 và anh không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Hữu T1 trình bày: Gia đình cháu có hai chị em, cháu là con thứ hai, từ khi bố mẹ ly thân cháu ở với mẹ cháu. Nay bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q: Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và chị Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 08/12/2008 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn H đều cư trú tại huyện N. Nay chị Trịnh Thị T xin ly hôn anh Nguyễn Văn H thì Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng anh H nhưng anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn H vào năm 1990 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chống bất đồng về quan điểm không hiểu nhau. Vợ chồng chị T anh H đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng giải quyết vợ chồng được ly hôn. Phía anh H không nhất trí ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị xử ly hôn giữa chị T và anh H.

Hội đồng xét xử thấy: Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị T xin ly hôn anh H nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn H đều thống nhất xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Y, sinh ngày 23/10/1991 và cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 08/12/2008. Hiện cháu Y đã trưởng thành tự lập được nên chị T anh H không yêu cầu giải quyết còn cháu T1 chưa trưởng thành đang do chị T chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng ly hôn chị T anh H đều thống nhất thỏa thuận giao cháu T1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Thấy việc thỏa thuận của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1 - Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 08/12/2008 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị chị T đã nộp theo biên lai số: 0001420 ngày 24/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Văn Chủng

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tỉnh.
- VKSND huyện.
- THADS huyện.
- UBND xã N.
- Các đương sự.
- Lưu án văn